

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về hoạt động kiểm định, giám định
xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động kiểm định, giám định xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

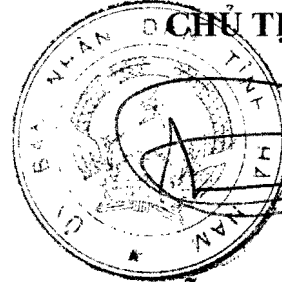
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2018 và thay thế Quyết định số 22/2011/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về hoạt động kiểm định, giám định và chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ~~##~~

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT Chính phủ;
- TTTU, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Báo HN, Đài PTTH tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- VPUB: LĐVP(3), GTXD, NN-TNMT, TH;
- Lưu VT, GTXD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Đông

QUY ĐỊNH

Về hoạt động kiểm định, giám định xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số **36** /2018/QĐ-UBND
ngày **20** tháng **9** năm **2018** của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định về hoạt động kiểm định, giám định và đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình trong quá trình khai thác sử dụng trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

2. Đối tượng áp dụng:

Chủ đầu tư, chủ sở hữu, chủ quản lý sử dụng công trình, các tổ chức kiểm định, tổ chức chuyên môn giám định tư pháp xây dựng, cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng hoặc các cơ quan quản lý nhà nước khác theo quy định của pháp luật (gọi chung là cơ quan quản lý nhà nước) và các cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan đến hoạt động kiểm định, giám định và đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình trong quá trình khai thác sử dụng trên địa bàn tỉnh Hà Nam không phân biệt nguồn vốn phải tuân theo quy định này.

3. Việc kiểm tra, đánh giá an toàn phòng cháy và chữa cháy, an toàn trong sử dụng đối với các thiết bị công nghệ đòi hỏi yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, đánh giá tác động môi trường được thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 2. Các trường hợp thực hiện kiểm định, giám định xây dựng

1. Công tác kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Được quy định trong hợp đồng xây dựng hoặc chỉ dẫn kỹ thuật theo yêu cầu của thiết kế;

b) Khi công trình, hạng mục công trình, bộ phận công trình xây dựng có biểu hiện không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của thiết kế;

c) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký hợp đồng đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

d) Theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng khi cần thiết;

đ) Kiểm định định kỳ theo quy trình bảo trì công trình đã được phê duyệt;

e) Khi phát hiện thấy chất lượng công trình có những hư hỏng của một số bộ phận công trình, công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng;

f) Khi có yêu cầu đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình phục vụ cho việc lập quy trình bảo trì đối với những công trình đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì;

g) Khi cần có cơ sở để quyết định việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình đối với các công trình đã hết tuổi thọ thiết kế hoặc làm cơ sở cho việc cải tạo, nâng cấp công trình.

2. Các trường hợp thực hiện việc giám định xây dựng:

a) Trưng cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng theo quy định của pháp luật về giám định tư pháp hoặc theo yêu cầu của cơ quan chủ trì tổ chức giám định nguyên nhân sự cố khi xảy ra sự cố công trình xây dựng;

b) Khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

Điều 3. Các trường hợp thực hiện đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành trong quá trình sử dụng

1. Các công trình hoặc hạng mục công trình phải thực hiện đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành trong quá trình sử dụng, bao gồm:

a) Nhà chung cư, nhà ở tập thể, ký túc xá từ cấp II trở lên;

b) Công trình dân dụng:

- Công trình giáo dục từ cấp II trở lên;

- Công trình y tế từ cấp II trở lên;

- Công trình thể thao: Sân vận động, nhà thi đấu từ cấp II trở lên;

- Công trình văn hóa: Trung tâm hội nghị, nhà hát, nhà văn hóa câu lạc bộ rạp chiếu phim, rạp xiếc, vũ trường; bảo tàng thư viện, triển lãm; công trình vui chơi giải trí và các công trình văn hóa tập trung đông người khác từ cấp II trở lên;

- Công trình thương mại, dịch vụ: Công trình đa năng, khách sạn; Trung tâm thương mại, siêu thị từ cấp II trở lên;

- Trụ sở làm việc của các tổ chức xã hội, sự nghiệp và doanh nghiệp từ cấp II trở lên;

- Cáp treo vận chuyển người đối với mọi cấp;

- Nhà ga: Nhà ga hàng không đối với mọi cấp; Nhà ga đường thủy, nhà ga đường sắt, bến xe ô tô từ cấp I trở lên;

- Công trình thông tin, truyền thông: Tháp thu, phát sóng viễn thông, truyền thanh, truyền hình, cột BTS từ cấp II trở lên.

c) Công trình công nghiệp:

- Công trình sản xuất vật liệu xây dựng từ cấp I trở lên;

- Công trình công nghiệp nhẹ: Kết cấu dạng nhà, kết cấu nhịp lớn dạng khung từ cấp I trở lên.

d) Công trình hạ tầng kỹ thuật:

- Bãi đỗ xe ô tô, xe máy: Bãi đỗ xe ngầm, bãi đỗ xe nổi từ cấp II trở lên;

- Hệ thống cấp nước từ cấp I trở lên.

đ) Công trình giao thông trong đô thị:

- Đường trong đô thị từ cấp I trở lên;

- Cầu đường bộ từ cấp I trở lên;

- Hàm đường bộ từ cấp I trở lên.

e) Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Công trình thủy lợi từ cấp II trở lên;

- Công trình đê điều từ cấp III trở lên;

- Công trình nông, lâm, thủy sản từ cấp II trở lên.

f) Các công trình khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Nội dung, tần suất đánh giá được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật (nếu có), hoặc trong quy trình bảo trì công trình xây dựng. Trường hợp quy chuẩn kỹ thuật hoặc quy trình bảo trì chưa quy định thì tần suất đánh giá định kỳ thông thường là 5 năm, tuy nhiên tần suất đánh giá này có thể giảm từ 01 đến 02 năm đối với công trình cấp đặc biệt; công trình được xây dựng ở khu vực thường xuyên chịu tác động của bão lũ,... công trình đã đưa vào sử dụng lâu năm.

3. Việc đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng được thực hiện bởi tổ chức kiểm định xây dựng có đủ điều kiện năng lực theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

4. Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình phải tổ chức đánh giá định kỳ về an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình, gửi kết quả đánh giá đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 5 Điều này để theo dõi và kiểm tra.

5. Thẩm quyền kiểm tra công tác đánh giá an toàn chịu lực, an toàn vận hành trong quá trình khai thác, sử dụng công trình.

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra đối với công trình cấp I trở lên theo chuyên ngành quản lý quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP của Chính phủ;

b) Sở Xây dựng và Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra đối với công trình trên địa bàn từ cấp II trở xuống theo chuyên ngành quản lý quy định tại Khoản 4 Điều 51 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

Điều 4. Đăng tải thông tin về năng lực của tổ chức kiểm định, giám định xây dựng

1. Tổ chức tham gia hoạt động kiểm định xây dựng phải được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền.
2. Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận và đăng tải thông tin về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức trên trang thông tin điện tử do mình quản lý.

Chương II KIỂM ĐỊNH VÀ GIÁM ĐỊNH XÂY DỰNG

Điều 5. Lựa chọn tổ chức kiểm định xây dựng

1. Tổ chức thực hiện kiểm định phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định, phù hợp với lĩnh vực kiểm định và được đăng tải thông tin năng lực hoạt động xây dựng trên trang thông tin điện tử theo quy định. Cá nhân chủ trì kiểm định phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định, phù hợp với lĩnh vực kiểm định;
2. Trường hợp kiểm định theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng và cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 29, Điểm đ Khoản 5 Điều 40 Nghị định 46/2015/NĐ-CP (gọi chung là cơ quan yêu cầu), chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình lựa chọn tổ chức kiểm định theo quy định tại Khoản 1 Điều này và có ý kiến chấp thuận của cơ quan yêu cầu. Trong trường hợp này, tổ chức kiểm định phải độc lập về pháp lý, tài chính với chủ đầu tư và các nhà thầu khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng, cung ứng vật tư - thiết bị, quản lý dự án và giám sát thi công xây dựng công trình.

Điều 6. Điều kiện năng lực của tổ chức kiểm định, giám định xây dựng

1. Điều kiện năng lực của tổ chức kiểm định xây dựng phải phù hợp với lĩnh vực chuyên môn hoạt động kiểm định xây dựng và đáp ứng các điều kiện tương ứng với các hạng năng lực theo quy định Khoản 34 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
2. Điều kiện năng lực của tổ chức giám định xây dựng được quy định tại Điều 3 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP.

Điều 7. Trình tự thực hiện kiểm định xây dựng

1. Trình tự thực hiện kiểm định xây dựng gồm các bước chính sau:
 - a) Tổ chức kiểm định lập đề cương kiểm định trình cơ quan yêu cầu xem xét, chấp thuận;
 - b) Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình tổ chức phê duyệt đề cương, dự toán chi phí kiểm định do tổ chức kiểm định lập và ký hợp đồng với tổ chức này theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức kiểm định thực hiện theo đề cương kiểm định được phê duyệt và lập báo cáo kết quả kiểm định trình cơ quan yêu cầu và chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình;

d) Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình và tổ chức kiểm định tiến hành nghiệm thu báo cáo kết quả kiểm định và thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng trong hoạt động xây dựng.

2. Đề cương kiểm định bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a) Mục đích, yêu cầu, đối tượng và nội dung kiểm định;
- b) Danh mục các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng;
- c) Thông tin về năng lực của chủ trì và cá nhân thực hiện kiểm định; phòng thí nghiệm và thiết bị được sử dụng để thực hiện kiểm định (nếu có);
- d) Quy trình và phương pháp thực hiện kiểm định;
- đ) Chi phí thực hiện, thời gian dự kiến hoàn thành việc kiểm định;
- e) Các điều kiện khác để thực hiện kiểm định.

3. Báo cáo kết quả kiểm định bao gồm các nội dung chính sau:

- a) Căn cứ thực hiện kiểm định;
- b) Thông tin chung về công trình và đối tượng kiểm định;
- c) Nội dung, trình tự thực hiện kiểm định;
- d) Các kết quả thí nghiệm, tính toán, phân tích, quan trắc và đánh giá;
- đ) Kết luận về những nội dung theo yêu cầu của đề cương kiểm định được phê duyệt và các kiến nghị (nếu có).

Điều 8. Trình tự thực hiện giám định xây dựng

1. Đối với trường hợp giám định theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, việc giám định thực hiện theo quy định về giám định tư pháp xây dựng, gồm các bước chính sau:

a) Cơ quan giám định thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình về việc tổ chức giám định với các nội dung chính: Căn cứ thực hiện, đối tượng, thời gian, nội dung giám định;

b) Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm tập hợp hồ sơ, tài liệu và các số liệu kỹ thuật có liên quan tới đối tượng giám định theo yêu cầu của cơ quan giám định;

c) Cơ quan giám định tổ chức thực hiện giám định xây dựng trên cơ sở hồ sơ, tài liệu và số liệu kỹ thuật có liên quan. Trường hợp cần thiết, cơ quan giám định chỉ định tổ chức kiểm định xây dựng đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 6 Quy định này để thực hiện kiểm định theo trình tự quy định tại Điều 7 Quy định này, hoặc xem xét sử dụng kết quả kiểm định đã có để phục vụ công tác giám định;

d) Cơ quan giám định thông báo kết luận giám định theo nội dung quy định tại Khoản 2 Điều này cho các bên có liên quan. Trường hợp cần thiết, cơ quan giám định tổ chức lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân có liên quan về nội dung kết luận giám định.

2. Thông báo kết luận giám định bao gồm các nội dung chính sau:

- a) Căn cứ thực hiện giám định;
- b) Thông tin chung về đối tượng giám định;
- c) Nội dung giám định;
- d) Trình tự tổ chức thực hiện giám định;
- đ) Kết quả giám định;
- e) Phân định trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan và biện pháp xử lý, khắc phục (nếu có).

Chương III

CHI PHÍ THỰC HIỆN KIỂM ĐỊNH, GIÁM ĐỊNH XÂY DỰNG

Điều 9. Chi phí thực hiện kiểm định xây dựng, đánh giá an toàn công trình trong quá trình khai thác sử dụng

1. Chi phí kiểm định xây dựng được xác định bằng cách lập dự toán theo các quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các quy định khác có liên quan phù hợp với khối lượng công việc của đề cương kiểm định, bao gồm một số hoặc toàn bộ các khoản chi phí sau:

- a) Khảo sát hiện trạng đối tượng kiểm định;
- b) Lập đề cương, thẩm tra đề cương và dự toán kiểm định;
- c) Thu thập và nghiên cứu hồ sơ tài liệu liên quan đến việc kiểm định;
- d) Thí nghiệm, tính toán, phân tích, quan trắc và đánh giá;
- đ) Chi phí vận chuyển phục vụ việc kiểm định;
- e) Lập báo cáo kết quả kiểm định;
- g) Các chi phí cần thiết khác phục vụ việc kiểm định.

2. Trách nhiệm chi trả chi phí kiểm định:

a) Trong quá trình thi công xây dựng, trách nhiệm chi trả chi phí kiểm định theo quy định tại Khoản 4 Điều 29 Nghị định 46/2015/NĐ-CP;

b) Trong quá trình khai thác, sử dụng, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm chi trả chi phí kiểm định. Trường hợp kết quả kiểm định chứng minh được lỗi thuộc trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân nào có liên quan thì các tổ chức, cá nhân này phải chịu chi phí kiểm định tương ứng với lỗi do mình gây ra.

3. Chi phí thực hiện việc đánh giá an toàn công trình trong quá trình khai thác sử dụng bao gồm chi phí kiểm định chất lượng, chi phí thuê chuyên gia và các chi phí cần thiết khác do chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình chi trả và được tính vào chi phí bảo trì công trình xây dựng.

Điều 10. Chi phí thực hiện giám định xây dựng

1. Chi phí giám định xây dựng bao gồm một số hoặc toàn bộ các chi phí sau:

a) Chi phí thực hiện giám định xây dựng của cơ quan giám định bao gồm công tác phí và các chi phí khác phục vụ cho công tác giám định;

b) Chi phí thuê cá nhân (chuyên gia) tham gia thực hiện giám định xây dựng bao gồm chi phí đi lại, chi phí thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác và tiền công chuyên gia;

c) Chi phí thuê tổ chức thực hiện kiểm định phục vụ giám định xây dựng được xác định theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Quy định này;

d) Chi phí cần thiết khác phục vụ cho việc giám định xây dựng.

2. Trách nhiệm chi trả chi phí giám định xây dựng quy định như sau:

a) Trường hợp sự cố công trình xây dựng xảy ra trong quá trình thi công xây dựng công trình, chủ đầu tư có trách nhiệm chi trả chi phí tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng. Sau khi có kết quả giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng và phân định trách nhiệm thì tổ chức, cá nhân gây ra sự cố công trình xây dựng phải có trách nhiệm chi trả chi phí tổ chức giám định nguyên nhân sự cố nêu trên. Trường hợp sự cố công trình xảy ra do nguyên nhân bất khả kháng thì trách nhiệm chi trả chi phí tổ chức giám định nguyên nhân sự cố thực hiện theo quy định của hợp đồng xây dựng có liên quan;

b) Trường hợp sự cố công trình xây dựng xảy ra trong quá trình khai thác, sử dụng công trình, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm chi trả chi phí tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng. Sau khi có kết quả giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng và phân định trách nhiệm thì tổ chức, cá nhân gây ra sự cố công trình xây dựng phải có trách nhiệm chi trả chi phí tổ chức giám định nguyên nhân sự cố nêu trên. Trường hợp sự cố công trình xảy ra do nguyên nhân bất khả kháng thì trách nhiệm chi trả chi phí tổ chức giám định nguyên nhân sự cố do chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình chi trả.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện kiểm định, giám định xây dựng trong phạm vi toàn tỉnh;

b) Đình chỉ việc thực hiện kiểm định, giám định khi phát hiện thấy có vi phạm trong hoạt động kiểm định, giám định; không cho phép chủ đầu tư, chủ sở hữu đưa vào khai thác, sử dụng hoặc tạm ngừng khai thác sử dụng công trình khi phát hiện có yếu tố không đảm bảo an toàn cho công trình;

c) Tiếp nhận và công bố thông tin các tổ chức kiểm định, giám định hoạt động trên địa bàn; công bố hình thức xử phạt các tổ chức vi phạm quy định trong hoạt động kiểm định, giám định của Quy định này báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng để công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng;

d) Tổng hợp tình hình thực hiện hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định hiện hành.

2. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Xây dựng trong hoạt động kiểm định, giám định đối với công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý;

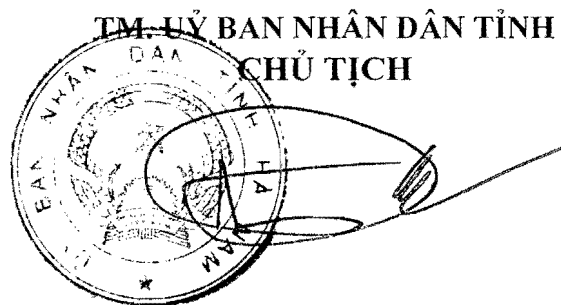
b) Tổng hợp tình hình thực hiện kiểm định, giám định các công trình xây dựng chuyên ngành hàng năm, gửi Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Xây dựng trong hoạt động kiểm định, giám định xây dựng đối với công trình xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý;

b) Tổng hợp tình hình thực hiện kiểm định xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý hàng năm, gửi Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, đề nghị các cơ quan, đơn vị và cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.



Nguyễn Xuân Đông